

Số: 92/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo số 809/BC-VHXH ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không

thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh sách 108 lượt xã, 268 lượt bản vào Phụ lục I; bổ sung danh sách 06 lượt xã, 10 lượt bản vào Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh.

2. Bãi bỏ danh sách 36 lượt xã, 69 lượt bản tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh.

(có Phụ lục I, II, III kèm theo)

3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh:

a) Tại phụ lục II, điểm E, mục VI, xã Mừng Bám, huyện Thuận Châu: Bổ sung tên trường tiểu học Mừng Bám II vào cột 4.

b) Tại phụ lục II, điểm E, mục VII, xã Nậm Lâu, huyện Thuận Châu: Bổ sung tên trường tiểu học Nậm Lâu vào cột 4.

c) Tại điểm F, Phụ lục I: Sửa đổi tên Trường THPT Tông Lạnh thành Trường THPT Tông Lệnh.

d) Tại điểm I, Phụ lục I: Sửa đổi tên Trường Tiểu học Suối Tọ II thành Trường PTDTBT Tiểu học Suối Tọ.

đ) Tại phần ghi chú tiểu mục 2, mục IV phần A Phụ lục II: Bãi bỏ nội dung “chỉ địa bàn bản Ít Ta Bót trước khi sáp nhập được hưởng chính sách hỗ trợ”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 22 thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 9 năm 2024./.

**Nơi nhận:** ✓

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài Chính; Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.Linh.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**



**PHỤ LỤC I**

**BỔ SUNG DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN VÀO PHỤ LỤC I KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 64/2023/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2023 CỦA HĐND TỈNH  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG  
VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)*

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Lý do bổ sung
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
<b>A. Tổng các xã, bản trên địa bàn thành phố Sơn La: Gồm 19 lượt xã, 22 lượt bản:</b>						
<b>A.1. Trường THPT Chiềng Sinh: Gồm 03 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Mai Sơn đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Ve	III			Trường THPT Chiềng Sinh	
1.1	Bản Sươn Mè				30	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Co Mạ	III				
1.1	Bản Co Mạ				80	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Bắc Yên đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Tạ Khoa	III				
1.1	Bản Sập Việt				90	Học sinh tuyển mới
<b>A.2. Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						

*(Handwritten signature)*

1	Xã Long Hẹ	III			Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An	
1.1	Bản Nặm Nhứ				100	Học sinh tuyển mới
<b>A.3. Trường THPT Chuyên Sơn La: Gồm 06 lượt xã, 08 lượt bản</b>					Trường THPT Chuyên	
<b>I. Các xã, bản huyện Phù Yên đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Do	III				
1.1	Bản Tường Han				165	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Lăn				165	Học sinh tuyển mới
2	Xã Tường Tiến	III				
2.1	Bản Pa				130	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Sông Mã đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Cang	III				
1.1	Bản Chiềng Xôm				95	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Anh Trung				103	Học sinh tuyển mới
2	Xã Đứa Mòn	III				Học sinh tuyển mới
2.1	Bản Đứa Mòn				163	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Sốp Cộp đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Và	III				

1.1	Bản Mường Và				165	Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Phổng Lãng</b>	<b>III</b>				
1.1	Bản Lãng Nội				42	Học sinh tuyển mới
<b>A.4. Trường THCS&amp;THPT Nguyễn Du: Gồm 03 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại Thành phố Sơn La: Gồm 03 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Chiềng Pắc</b>	<b>III</b>			<b>Trường THCS&amp;THPT Nguyễn Du</b>	
1.1	Bản Dân Chủ				20	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Lọng Mén				17	Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Mường Khiêng</b>	<b>III</b>				
2.1	Bản Bó Phúc				25	Học sinh tuyển mới
<b>3</b>	<b>Xã Tông Cọ</b>	<b>III</b>				
3.1	Bản Bay				20	Học sinh tuyển mới
<b>A.5. Trường THPT Tô Hiệu: Gồm 06 lượt xã, 06 lượt bản</b>					<b>Trường THPT Tô Hiệu</b>	
<b>I. Các xã, bản huyện Mai Sơn đến học tại thành phố: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Chiềng Dong</b>	<b>III</b>				
1.1	Bản Dè				35	Học sinh tuyển mới


2	Xã Mường Bằng	III				
2.1	Bản Quỳnh Châu				45	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Yên Châu đến học tại thành phố: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
1	Xã Tú Nang	III				
1.1	Bản Tà Làng Thấp				90	Học sinh tuyển mới
2	Xã Chiềng Đông	III				
2.1	Bản Luông Mé				62	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Sông Mã đến học tại thành phố: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Phung	III				
1.1	Bản Nuốt Còn				35	Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Bắc Yên đến học tại thành phố: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chìm Vàn	III				
1.1	Bản Vàn				130	Học sinh tuyển mới
<b>B. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 06 lượt xã, 16 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 04 lượt xã, 14 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Sại	III	TH&THCS Mường Sại			Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS
1.1	Bản Pha Đảo		10			Học sinh tiểu học học tại điểm trung tâm tiểu học

1.2	Bản Pha Đảo		6			Học sinh tiểu học học tại điểm trường Nhà Sầy
1.3	Bản Pha Đảo (Bản Huổi Tăm cũ)		4			Học sinh tiểu học học tại điểm trường Pha Đảo
1.4	Bản Huổi Tôm		4,7			Học sinh tiểu học học tại điểm trường Nhà Sầy
1.5	Bản Huổi Tôm		10			Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học
			<b>TH&amp;THCS Nặm Ết</b>	<b>TH&amp;THCS Nặm Ết</b>		
1.6	Bản Pha Đảo		14	14		Học sinh tuyển mới
1.7	Bản Muôn		14	14		Học sinh tuyển mới
1.8	Bản Huổi Tôm		16	16		Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Chiềng Khay</b>	<b>III</b>	<b>Tiểu học Chiềng Khay</b>	<b>PTDT BT THCS Chiềng Khay</b>	<b>THPT Quỳnh Nhai</b>	Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS
2.1	Bản Phiêng Bay (Bản Nong Trạng cũ)		7	7	55	Học sinh THCS chi địa bàn bản Nong Trạng trước khi sáp nhập được hưởng chính sách hỗ trợ
2.2	Bản Ít Ta Bót		4		54	HS tiểu học về học tại Điểm trung tâm trường Tiểu học.
			<b>TH&amp;THCS Cà Nàng</b>	<b>TH&amp;THCS Cà Nàng</b>		
2.3	Bản Ít Ta Bót		29	30		Học sinh tuyển mới
<b>3</b>	<b>Xã Nặm Ết (Nặm Ết)</b>	<b>III</b>	<b>TH&amp;THCS Mường Sại</b>	<b>TH&amp;THCS Mường Sại</b>	<b>THPT Quỳnh Nhai</b>	
3.1	Bản Thống Nhất		6	7	25	Học sinh tuyển mới
3.2	Bản Pom Hán		16	18		Học sinh tuyển mới
<b>4</b>	<b>Xã Cà Nàng</b>	<b>III</b>	<b>TH&amp;THCS Cà Nàng</b>	<b>TH&amp;THCS Cà Nàng</b>	<b>THPT Quỳnh Nhai</b>	

4.1	Bản Pạ Lò		4	10	60	HS THCS chỉ HS địa bàn bản Giang Lò trước khi sáp nhập được hưởng chính sách hỗ trợ.
<b>II. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại huyện Quỳnh Nhai: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Chiềng Ly</b>	<b>II</b>	<b>TH&amp;THCS Nặm Ét</b>	<b>TH&amp;THCS Nặm Ét</b>		
1.1	Bản Nà Tong	ĐBKK	44	44		Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Chiềng Ngâm</b>	<b>III</b>		<b>TH&amp;THCS Nặm Ét</b>		
2.1	Bản Pù Bâu			13		Học sinh tuyển mới
<b>C. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 03 lượt xã, 09 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 02 lượt xã, 08 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Tạ Bú</b>	<b>III</b>		<b>Trường THCS Chiềng Hoa</b>		
1.1	Bản Tôm			7		Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Pi Toong</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Mường La</b>	
2.1	Bản Núa Trò				27	Học sinh tuyển mới
2.2	Bản Tong				26	Học sinh tuyển mới
2.3	Bản Lúa				25	Học sinh tuyển mới
2.4	Bản Pi Tạy				23	Học sinh tuyển mới
2.5	Bản Pi				23	Học sinh tuyển mới
2.6	Bản Cang Phiêng				22	Học sinh tuyển mới

2.7	Bản Ten				25	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Mộc Châu đến học tại huyện Mường La: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Tà Lại, huyện Mộc Châu</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Mường Bú</b>	
1.1	Bản Suối Mỡ				158	Học sinh tuyển mới
<b>D. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 12 lượt xã, 25 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Sông Mã đến học tại huyện Sốp Cộp: Gồm 10 lượt xã, 22 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Đứa Mòn</b>	<b>III</b>	<b>Trường Tiểu học Púng Bánh</b>	<b>Trường THCS Púng Bánh</b>	<b>Trường THPT Sốp Cộp</b>	
1.1	Bản Ngam Trạng		6	15,1	66	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Nộc Cốc				51	Học sinh tuyển mới
1.3	Bản Nà Tấu				61	Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Mường Cai</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Sam Kha</b>		<b>Trường THPT Sốp Cộp</b>	
2.1	Bản Phiêng Piềng		14		100	Học sinh tuyển mới
2.2	Bản Huổi Khe				75	Học sinh tuyển mới
2.3	Bản Xia Kia				77	Học sinh tuyển mới
2.4	Bản Háng Lia				76	Học sinh tuyển mới
2.5	Bản Huổi Hư				75	Học sinh tuyển mới
<b>3</b>	<b>Xã Chiềng Phung</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Sam Kha</b>			
3.1	Bản Sàng Lay		7			Học sinh tuyển mới

4	Xã Chiềng Khoong	III	Trường PTDTBT TH&THCS Sam Kha			
4.1	Bản Hán Ku		6			Học sinh tuyển mới
5	Xã Nậm Mần	III	Trường PTDTBT TH&THCS Sam Kha			
5.1	Bản Pá Ban		8			Học sinh tuyển mới
6	Xã Nà Nghịu	III	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Lèo			
6.1	Bản Sào Và		8			Học sinh tuyển mới
			Trường PTDTBT TH&THCS Sam Kha			
6.2	Bản Hua Pàn		9			Học sinh tuyển mới
7	Xã Chiềng Cang	III	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Lèo			
7.1	Bản Huổi Tao		9			Học sinh tuyển mới
8	Xã Mường Sai	I			Trường THPT Sốp Cộp	
8.1	Bản Sai	ĐBKK			74	Học sinh tuyển mới
8.2	Bản Co Đứa	ĐBKK			85	Học sinh tuyển mới
8.3	Bản Tin Tộc	ĐBKK			80	Học sinh tuyển mới
9	Xã Huổi Một	III			Trường THPT Sốp Cộp	
9.1	Bản Nậm Pù				32	Học sinh tuyển mới
9.2	Bản Huổi Pàn				31	Học sinh tuyển mới
9.3	Bản Túp Phạ				40	Học sinh tuyển mới

10	Xã Nậm Ty	III			Trường THPT Sốp Cộp	
10.1	Bản Pá Men				66	Học sinh tuyển mới
10.2	Bản Co Dâu				55	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Mai Sơn đến học tại huyện Sốp Cộp: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Chăn	I			Trường THPT Sốp Cộp	
1.1	Bản Yên Bình	ĐBKK			132	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Nậm Luông	ĐBKK			140	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Bắc Yên đến học tại huyện Sốp Cộp: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Hang Chú	III			Trường THPT Sốp Cộp	
1.1	Bản Suối Lệnh				260	Học sinh tuyển mới
<b>E. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mộc Châu: Gồm 05 lượt xã, 06 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Mộc Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Khừa	III			Trường THCS&THPT Chiềng Sơn	
1.1	Bản Trọng				30	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Vân Hồ đến học tại huyện Mộc Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
I	Xã Chiềng Xuân	III			Trường THCS&THPT Chiềng Sơn	
1	Bản Suối Quanh				15	Học sinh tuyển mới 
<b>III. Các xã, bản huyện Yên Châu đến học tại huyện Mộc Châu: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản</b>						

1	Xã Chiềng Tương	III			Trường THCS&THPT Chiềng Sơn	
1.1	Bản Bó Hin				60	Học sinh tuyển mới
2	Xã Phiêng Khoài	III			Trường THPT Mộc Lý	
2.1	Bản Cồn Huốt 1				45	Học sinh tuyển mới
2.2	Bản Thanh Yên 2				50	Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Bắc Yên đến học tại huyện Mộc Châu: Gồm 01 xã, 01 bản</b>						
I	Xã Tạ Khoa	III			Trường THPT Thảo Nguyên	
1.1	Bản Ợ B				117	Học sinh tuyển mới
<b>F. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 22 lượt xã, 122 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 19 lượt xã, 116 lượt bản</b>						
1	Xã Nậm Lầu	III	Trường TH-THCS Pá Lông	Trường TH-THCS Pá Lông	Trường THPT Bình Thuận	
1.1	Bản Nà Há				49	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Huổi Kép				40	
1.3	Bản Ban		98	98	37	
1.4	Bản Ít Mặn				39	
1.5	Bản Mỏ				40	
1.6	Bản Nà Kẹ				43	
1.7	Bản Lậu Nong				46	


1.8	Bản Nong Ten				39	Học sinh tuyển mới
1.9	Bản Pa O				38	
1.10	Bản Pài				39	
1.11	Bản Phúc				40	
1.12	Bản Tăng				40	
1.13	Bản Xa Hòn				50	
1.14	Bản Thăm Phé				36	
1.15	Bản Huổi Xưa				39	
			<b>Trường TH-THCS Bon Phặng</b>	<b>Trường TH-THCS Bon Phặng</b>	<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
1.16	Bản Pài		18	18		Học sinh tuyển mới
1.17	Bản Huổi Xưa				35	
2	<b>Xã Co Mạ</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
2.1	Bản Pá Ấu				65	Học sinh tuyển mới
					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
2.2	Bản Cát				20	Học sinh tuyển mới
					<b>Trường THPT Tông Lệnh</b>	
2.3	Bản Pha Khuông				48	Học sinh tuyển mới
			<b>Trường Tiểu học Co Mạ 1</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>	<b>Trường THPT Thuận Châu</b>	

2.4	Bản Xá Nhá A		6	15	46	Bổ sung tên bản đúng theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La
2.5	Bản Xá Nhá B		8	17	46	
					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
2.6	Bản Xá Nhá A				16	Bổ sung tên bản đúng theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La
2.7	Bản Xá Nhá B				19	
<b>3</b>	<b>Xã Tông Cọ</b>	<b>I</b>			<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
3.1	Bản Sen To	Bản ĐBK			27	Học sinh tuyển mới
<b>4</b>	<b>Xã Phổng Lãng</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
4.1	Bản Dừn				13	Học sinh tuyển mới
4.2	Bản Còng				12	
4.3	Bản Lãng Nội				11	
4.4	Bản Thái Cóng				11	
4.5	Bản Nà Xa				11	
					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
4.6	Bản Nà Lộ				40	Học sinh tuyển mới
<b>5</b>	<b>Xã Mường Khiêng</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Mường Khiêng 2</b>	<b>Trường TH-THCS Bó Mười A</b>	<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
5.1	Bản Bó Phúc				45	Học sinh tuyển mới ✓
5.2	Bản Nam Han				48	

5.3	Bản Bon				42	Học sinh tuyển mới
5.4	Bản Củ				41	
5.5	Bản Hìn Lẹp				42	
5.6	Bản Hốc				40	
5.7	Bản Hua Sắt				41	
5.8	Bản Huổi Pán		7		41	
5.9	Bản Lạn				42	
5.10	Bản Nhốc				44	
5.11	Bản Thông Ổ			20,5	41	
5.12	Bản Sắt				41	
5.13	Bản Sinh Lẹp				42	
5.14	Bản Thuận Ổn				41	
5.15	Bản Tộn Pợ				41	
5.16	Bản Khiêng				40	
5.17	Bản Pục Tứn				41	
5.18	Bản Phé Hăng				41	
5.19	Bản Sào Và				42	
5.20	Bản Kềm				46	

5.21	Bản Lừa B				41	Học sinh tuyển mới
5.22	Bản Lừa Hang				38	
5.23	Bản Nuồng Há				41	
<b>6</b>	<b>Xã Liệp Tè</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Nậm Lâu</b>		<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
6.1	Bản Tát		70			Học sinh tuyển mới
6.2	Bản Co Phường				56	
6.3	Bản Ban Xa				59	
6.4	Bản Bắc				55	
6.5	Bản Cang				53	
6.6	Bản Chà Lào				55	
6.7	Bản Co Khết				53	
6.8	Bản Hiên				54	
6.9	Bản Kia				53	
6.10	Bản Lụ				56	
6.11	Bản Mông Luông				54	
6.12	Bản Mông Nội				54	
6.13	Bản Ta Mạ				53	
6.14	Bản Tát				56	

6.15	Bản Tát Ướt				53	Học sinh tuyển mới
7	<b>Xã Bó Mười</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
7.1	Bản Bó				36	Học sinh tuyển mới
7.2	Bản Mười				36	
7.3	Bản Lọng Cu				36	
7.4	Bản Lót Măn				40	Học sinh tuyển mới
7.5	Bản Nà Sành				36	
7.6	Bản Nà Ten				37	
7.7	Bản Nà Viêng				39	
7.8	Bản Nong Bon				38	
7.9	Bản Phai Xe				37	
7.10	Bản Hốc Quỳnh				38	
7.11	Bản Tra				39	
8	<b>Xã Nong Lay</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Bình Thuận</b>	
8.1	Bản Phiêng Nong				36	Học sinh tuyển mới
8.2	Bản Huổi Lọng				32	
8.3	Bản Bó Mạ				34	
8.4	Bản Liên Minh				36	

8.5	Bản Quyết Thắng					36	Học sinh tuyển mới
<b>9</b>	<b>Xã Long Hẹ</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Phổng Lập</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>	<b>Trường THPT Co Mạ</b>		
9.1	Bản Nông Cốc		40	22			Học sinh tuyển mới
9.2	Bản Nà Nôm					21	
9.3	Bản Nặm Nhứ					12	
9.4	Bản Cha Mạy					18	Bổ sung tên bản đúng theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
					<b>Trường THCS Chiềng Ly</b>		
9.5	Bản Pú Chứm			67			Học sinh tuyển mới
<b>10</b>	<b>Xã É Tông</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Phổng Lập</b>				
10.1	Bản Hát Lẹ		67				Học sinh tuyển mới
						<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
10.2	Bản Thảm Ổn					24	Bổ sung tên bản đúng theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
<b>11</b>	<b>Xã Chiềng Bôm</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Phổng Lập</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>			
11.1	Bản Ít Cang		9				Học sinh tuyển mới
11.2	Bản Hua Ty B			20			
				<b>Trường TH-THCS Pá Lông</b>	<b>Trường TH-THCS Pá Lông</b>		
11.3	Bản Hua Ty A		34	34			Học sinh tuyển mới 

					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
11.4	Bản Hóm				38	Học sinh tuyển mới
11.5	Bản Lái				38	
11.6	Bản Nhập				35	
					<b>Trường THPT Tông Lệnh</b>	
11.7	Bản Nhập				15	Học sinh tuyển mới
<b>12</b>	<b>Xã Co Tông</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Chiềng Ly</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>		
12.1	Bản Thăm Xét		65	39		Học sinh tuyển mới
12.2	Bản Há Khúa			37		
			<b>Trường TH-THCS Pá Lông</b>	<b>Trường TH-THCS Pá Lông</b>		
12.3	Bản Co Cài		12	12		Học sinh tuyển mới
			<b>Trường tiểu học Co Mạ 1</b>			
12.4	Bản Pá Cháo B		38			Học sinh tuyển mới
<b>13</b>	<b>Xã Pá Lông</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Chiềng Ly</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>		
13.1	Bản Hua Ngáy		45			Học sinh tuyển mới
13.2	Bản Tinh Lá			38		
			<b>Trường tiểu học Nậm Lầu</b>			
13.3	Bản Tịa		70			Học sinh tuyển mới

<b>14</b>	<b>Xã Phổng Lập</b>	<b>III</b>	<b>Trường tiểu học Mường É</b>		<b>Trường THPT Tông Lệnh</b>	
14.1	Bản Huổi Ít		15			Học sinh tuyển mới
14.2	Bản Nà Khoang				28	
<b>15</b>	<b>Xã Bản Lầm</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
15.1	Bản Hua Lành				35	Học sinh tuyển mới
15.2	Bản Pá Lầu				55	Học sinh tuyển mới
<b>16</b>	<b>Xã Mường É</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
16.1	Bản Hát Lụ				75	Học sinh tuyển mới
					<b>Trường THPT Tông Lệnh</b>	
16.2	Bản Tum Tàn				33	Học sinh tuyển mới
<b>17</b>	<b>Xã Chiềng Ngâm</b>	<b>III</b>	<b>Trường TH-THCS Bó Mười A</b>	<b>Trường TH-THCS Bó Mười A</b>		
17.1	Bản Sắng		8	8		Học sinh tuyển mới
17.2	Bản Huổi Nong			18		
<b>18</b>	<b>Xã Púng Tra</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Thuận Châu</b>	
18.1	Bản Dôm				22	Học sinh tuyển mới
<b>19</b>	<b>Xã Mường Bám</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
19.1	Bản Nà Làng				23	Bổ sung tên bản đúng theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021

**II. Các xã, bản huyện Sông Mã đến học tại huyện Thuận Châu: Gồm 02 lượt xã, 05 lượt bản**

1	Xã Nậm Ty, huyện Sông Mã	III	Trường TH-THCS Bó Mười A		Trường THPT Co Mạ	
1.1	Bản Co Dâu				40	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Xê		200			
					Trường THPT Thuận Châu	
1.3	Bản Pàn				50	Học sinh tuyển mới
1.4	Bản Môn				60	Học sinh tuyển mới
2	Xã Bó Sinh, huyện Sông Mã	III			Trường THPT Co Mạ	
2.1	Bản Huổi Tinh				60	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Quỳnh Nhai đến học tại huyện Thuận Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Nậm Ét, Quỳnh Nhai	III		Trường TH-THCS Bó Mười A		
1.1	Bản Dọ			48		Học sinh tuyển mới
<b>G. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 11 lượt xã, 22 lượt bản:</b>						
<b>I. Các trường học trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 05 lượt xã, 10 lượt bản</b>						
1	Xã Phiêng Cầm	III	Trường TH-THCS Chiềng Chung (tiểu học)			
1.1	Bản Cù		50			Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Pú Tậu		30			Học sinh tuyển mới
			Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cầm (tiểu học)			
1.3	Bản Nong Xà Nghè		4			Chỉ học sinh đến học tại điểm trường Phiêng Phụ được hưởng

			<b>Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2</b>			
1.4	Bản Huổi Nhả		12			Học sinh tuyển mới
			<b>Trường PTDTBT TH- THCS Phiêng Pằn (tiểu học)</b>			
1.5	Bản Huổi Nhả		45			Học sinh tuyển mới
2	<b>Xã Chiềng Dong</b>	<b>III</b>	<b>Trường TH-THCS Chiềng Chung (tiểu học)</b>			
2.1	Bản Lò Um		6			Học sinh tuyển mới
3	<b>Xã Chiềng Noi</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH- THCS Phiêng Pằn (tiểu học)</b>	<b>Trường PTDTBT TH- THCS Phiêng Pằn (THCS)</b>		
3.1	Bản Co Hính		35	35		Học sinh tuyển mới
			<b>Trường TH-THCS Chiềng Chung (tiểu học)</b>			
3.2	Bản Cho Cong		50			Học sinh tuyển mới
4	<b>Xã Chiềng Lương</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH- THCS Phiêng Pằn (tiểu học)</b>			
4.1	Bản Kéo Lồm		5			Học sinh tuyển mới
5	<b>Xã Chiềng Chung</b>			<b>Trường PTDTBT THCS Chiềng Noi</b>		
5.1	Bản Xam Ta			45		Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Thuận Châu có học sinh học tại huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	<b>Xã Nậm Lầu</b>	<b>III</b>	<b>Trường TH-THCS Chiềng Chung (tiểu học)</b>			
1.1	Bản Ít Cường		40			Học sinh tuyển mới

<b>III. Các xã, bản huyện Sông Mã có học sinh học tại huyện Mai Sơn: Gồm 02 lượt xã, 05 lượt bản</b>						
1	Xã Nà Nghịu	III	Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2			
1.1	Bản Nà Hin		20			Học sinh tuyển mới
2	Xã Chiềng Cang	III		Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn (THCS)		
2.1	Bản Pá Nó			70		Học sinh tuyển mới
2.2	Bản Nhọt Có			72		Học sinh tuyển mới
				Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi		
2.3	Bản Pá Nó			30		Học sinh tuyển mới
2.4	Bản Nhọt Có			32		Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Yên Châu có học sinh học tại huyện Mai Sơn: Gồm 03 lượt xã, 06 lượt bản</b>						
1	Xã Phiêng Khoài	III	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn (Tiểu học)	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn (THCS)		
1.1	Bản Lao Khô 1 (Bản Lao Khô I)		40	40		Học sinh tuyển mới
					Trường THPT Cò Nòi	
1.2	Bản Thanh Yên 1				27	Học sinh tuyển mới
2	Xã Chiềng Tương	III	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Dong (Tiểu học)	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Dong (THCS)		
2.1	Bản Pa Khôm		93	93		Học sinh tuyển mới
3	Xã Chiềng On	III	Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2			

3.1	Bản Đin Chí		85			Học sinh tuyển mới
					Trường THPT Mai Sơn	
3.2	Bản Trảng Nặm				35	Học sinh tuyển mới
					Trường THPT Chu Văn Thịnh	
3.3	Bản Trảng Nặm				80	Học sinh tuyển mới
<b>H. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Vân Hồ: Gồm 04 lượt xã, 04 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản huyện Yên Châu đến học tại huyện Vân Hồ: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Lóng Phiêng	III			Trường THPT Vân Hồ	
1.1	Bản Pha Cúng				75	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Mộc Châu đến học tại huyện Vân Hồ: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Khừa	III			Trường THPT Vân Hồ	
1.1	Bản Ông Lý				46	Học sinh tuyển mới
2	Xã Hua Păng	I			Trường THPT Vân Hồ	
2.1	Bản Suối Ba	ĐBKK			26	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Phù Yên đến học tại huyện Vân Hồ: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Kim Bon	III			Trường THPT Vân Hồ	
1.1	Bản Suối Vạch				78	Học sinh tuyển mới
<b>I. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Phù Yên: Gồm 06 lượt xã, 07 lượt bản</b>						

<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Phù Yên: Gồm 03 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Thái	III				
					Trường THPT Gia Phù	
1.1	Bản Thái				23	Học sinh tuyển mới
2	Xã Mường Bang	III				
			Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Mường Bang (Cấp Tiểu học)	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Mường Bang (Cấp THCS)		
2.1	Bản Hợp Phong		22	22		Bản Hợp Phong là bản mới thành lập theo Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 17/4/2024
					Trường THPT Tân Lang	
2.2	Bản Hợp Phong				54	Bản Hợp Phong là bản mới thành lập theo Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 17/4/2024
3	Xã Huy Tân	II				
					Trường THPT Gia Phù	
3.1	Bản Suối Cù	ĐBKK			24	Học sinh tuyển mới
<b>* Các xã, bản thuộc huyện Mai Sơn có học sinh học tại huyện Phù Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Chung - huyện Mai Sơn	II				Trường THPT Phù Yên
1.1	Bản Tường Chung	ĐBKK			130	Học sinh tuyển mới
<b>* Các xã, bản thuộc huyện Mộc Châu có học sinh học tại huyện Phù Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						

1	Xã Tân Hợp-huyện Mộc Châu	III			Trường THPT Phù Yên	
1.1	Bản Suối Xáy				77,2	Học sinh tuyển mới
<b>* Các xã, bản huyện Bắc Yên có học sinh học tại huyện Phù Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Song Pe - huyện Bắc Yên	III			Trường THPT Phù Yên	
1.1	Bản Mong				90	Học sinh tuyển mới
<b>K. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 05 lượt xã, 05 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 04 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
1	Xã Hang Chú	III	Trường PTDTBT TH&THCS Xím Vàng			
1.1	Bản Pa Cư Sáng		24			Học sinh tuyển mới
2	Xã Hua Nhàn	III		Trường PTDTBT TH&THCS Xím Vàng		
2.1	Bản Suối Thón			72		Học sinh tuyển mới
3	Xã Xím Vàng	III	Trường PTDTBT TH Hang Chú			
3.1	Bản Sồng Chồng		22			Học sinh tuyển mới
4	Xã Song Pe	III	Trường PTDTBT TH Hang Chú			
4.1	Bản Ngâm		95			Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Phù Yên đến học tại huyện Bắc Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Huy Tường, Phù Yên	III			THPT Bắc Yên	
1.1	Bản Muống Thượng				31	Học sinh tuyển mới


**L. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sông Mã: Gồm 07 lượt xã, 14 lượt bản:**

**I. Các xã, bản trên địa bàn huyện/thành phố Sông Mã: Gồm 04 lượt xã, 09 lượt bản**

<b>1</b>	<b>Xã Chiềng Khoong</b>					<b>Trường THPT Mường Lầm</b>	
1.1	Bản Khong Tô					35	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Bó Sắn					46	Học sinh tuyển mới
<b>2</b>	<b>Xã Nà Nghịu</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH Nà Nghịu</b>				
2.1	Bản Hua Pàn		4				HS học tại điểm trung tâm Trường PTDTBT TH Nà Nghịu
2.2	Bản Phiêng Tòng		8				
<b>3</b>	<b>Xã Nậm Mẩn</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Nậm Mẩn</b>			<b>Trường THPT Chiềng Khương</b>	
3.1	Bản Luông Cà		4,5			72	Học sinh Tiểu học nhà ở cuối bản Nà Luông cũ (từ km thứ 4 đi về hướng xã Huổi Một) và toàn bộ bản Nà Cà cũ, học ở Khu trung tâm Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Mẩn thi được hưởng chế độ
<b>4</b>	<b>Xã Chiềng Sơ</b>	<b>I</b>	<b>Trường TH Chiềng Sơ</b>	<b>Trường THCS Chiềng Sơ</b>		<b>Trường THPT Sông Mã</b>	
4.1	Bản Ten Ứ	Bản ĐBKK	10	10			Học sinh tuyển mới
4.2	Bản Đưa Cát	Bản ĐBKK	7	7		20,5	Học sinh tuyển mới
4.3	Bản Nà Luông	Bản ĐBKK	4	8			Học sinh tuyển mới
						<b>Trường THPT Mường Lầm</b>	

4.4	Bản Đũa Cát	Bản ĐBK			16	Học sinh tuyển mới
<b>II. Các xã, bản huyện Thuận Châu đến học tại huyện Sông Mã: Gồm 01 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
1	Xã Pá Lông huyện Thuận Châu				Trường THPT Mường Lầm	
1.1	Bản Pá Ný				44	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Tinh Lá				49	Học sinh tuyển mới
1.3	Bản Từ Sáng				47	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Sốp Cộp đến học tại huyện Sông Mã: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Lạn	III			Trường THPT Sông Mã	
1.1	Bản Nà Khi	ĐBK			66	Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Mai Sơn đến học tại huyện Sông Mã: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Nà Ót	III			Trường THPT Chiềng Khương	
1.1	Bản Há Sét				25	Học sinh tuyển mới
<b>M. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Yên Châu: Gồm 08 lượt xã, 16 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Yên Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Phiêng Khoài	III	Trường TH Kim Chung			
1.1	Bản Nặm Bó		4			Học sinh chuyển về điểm trường trung tâm (do không có lớp ở điểm trường cơ sở)
<b>II. Các xã, bản huyện Bắc Yên đến học tại huyện Yên Châu: Gồm 02 lượt xã, 09 lượt bản</b>						

1	<b>Xã Chiềng Sại</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Yên Châu</b>	
1.1	Bản Quế Sơn				30	Học sinh tuyển mới
1.2	Bản Nà Dòn				30	Học sinh tuyển mới
1.3	Bản Co Muồng				30	Học sinh tuyển mới
1.4	Bản Nậm Lin				30	Học sinh tuyển mới
1.5	Bản Tằng				30	Học sinh tuyển mới
2	<b>Xã Phiêng Côn</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Yên Châu</b>	
2.1	Bản En				30	Học sinh tuyển mới
2.2	Bản Suối Trắng				30	Học sinh tuyển mới
2.3	Bản Kỳ Sơn				30	Học sinh tuyển mới
2.4	Bản Nhèm				30	Học sinh tuyển mới
<b>III. Các xã, bản huyện Mai Sơn đến học tại huyện Yên Châu: Gồm 03 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
1	<b>Xã Chiềng Chăn</b>	<b>I</b>			<b>Trường THPT Phiêng Khoài</b>	
1.1	Bản Tong Tái B	Bản ĐBKK			75	Học sinh tuyển mới
2	<b>Xã Nà Bó</b>	<b>I</b>			<b>Trường THPT Phiêng Khoài</b>	
2.1	Bản Kéo Bó	Bản ĐBKK			50	Học sinh tuyển mới
					<b>Trường THPT Yên Châu</b>	
2.2	Bản Kéo Bó	Bản ĐBKK			40	Học sinh tuyển mới


3	Xã Cò Nòi	I			Trường THPT Phiêng Khoài	Học sinh tuyển mới
3.1	Bản Nong Mòn (Nong Mòm)	Bản ĐBK			40	Học sinh tuyển mới
<b>IV. Các xã, bản huyện Vân Hồ đến học tại huyện Yên Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Xuân	III			Trường THPT Phiêng Khoài	
1.1	Bản Khò Hồng				70	Học sinh tuyển mới
<b>V. Các xã, bản huyện Sông Mã đến học tại huyện Yên Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Chiềng Khoong	III			Trường THPT Yên Châu	
1.1	Bản Hải Sơn				150	Học sinh tuyển mới 
<b>TỔNG CỘNG: 108 lượt xã, 268 lượt bản</b>						



**PHỤ LỤC II**

**BỘ SUNG DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN VÀO PHỤ LỤC II KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 64/2023/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2023 CỦA HĐND TỈNH  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG  
VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)*

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Lý do bổ sung
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 01 km trở lên đến dưới 04 km)	Trường THCS (khoảng cách từ 02 km trở lên đến dưới 07 km)	Trường THPT (khoảng cách từ 05 km trở lên đến dưới 10 km)	
<b>A. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Sại	III	TH&THCS Mường Sại			
1.1	Bản Pha Đảo (Bản Co Sán cũ)		3,4		Phải qua đèo, núi cao	
2	Xã Chiềng Khay	III		PTDT BT THCS Chiềng Khay		
2.1	Bản Lọng Ó			4,5	Phải qua đèo, núi cao (Chỉ học sinh tại điểm bản Hua Le, Huổi Lóng cũ được hưởng chế độ).	
2.2	Bản Phiêng Bay			5	Phải qua đèo, núi cao (Chỉ học sinh tại điểm bản Ít Mạn cũ được hưởng chế độ)	
<b>B. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản:</b>						
<b>I. Các trường học trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
1	Xã Phiêng Cầm	III		Trường PTDTBT TH&THCS Phiêng Cầm (Điểm THCS)		
1.1	Bản Lọng Hỏm			6,2	Có đường bê tông nhưng đèo dốc, đi lại khó khăn	
1.2	Bản Phiêng Phụ			6	Phải qua vùng sạt lở đất đá (Chỉ học sinh khu Lọng Ban được hưởng) 	

**C. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Phù Yên đề nghị bổ sung: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản**

**I. Các trường học trên địa bàn huyện Phù Yên đề nghị bổ sung: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản**

1	Xã Bắc Phong	III				
				Trường Tiểu học và THCS Bắc Phong (Cấp THCS)		
1.1	Bản Trung Phong			5		Phải qua vùng sạt lở đất, đá (học sinh THCS ở Bản Bura Đa trước khi sáp nhập (bản ĐBKK trước khi sáp nhập) được hưởng chính sách)

**D. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sông Mã: Gồm 02 lượt xã, 04 lượt bản**

1	Xã Pú Bầu	III	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Bầu	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Bầu		
1.1	Bản Pá Ca		1,5	2,7		Phải qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá (chỉ địa bàn khu trên của bản Ma Mậu và 02 nhóm hộ phía trên bản Pá Ca trước khi sáp nhập: Học sinh Tiểu học được hưởng chính sách hỗ trợ; chỉ địa bàn nhóm hộ Tịa Đông: Học sinh THCS được hưởng chính sách hỗ trợ)
1.2	Bản Pú Bầu		1,7	2,9		Phải qua vùng sạt lở đất, đá
1.3	Bản Pá Lâu		1,5			Phải qua vùng sạt lở đất, đá (chỉ địa bàn bản Pá Lâu trước khi sáp nhập và 02 nhóm hộ phía trên bản Pá Lâu II trước khi sáp nhập được hưởng chính sách hỗ trợ)
2	Xã Chiềng Cang	III	Tiểu học Chiềng Cang			
2.1	Bản Tin Tát		3			Phải qua vùng sạt lở đất, đá

**TỔNG CỘNG: 06 lượt xã, 10 lượt bản**

**PHỤ LỤC III**

**BÃI BỎ DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN TẠI PHỤ LỤC I, PHỤ LỤC II KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 64/2023/NQ-HĐND NGÀY 28/8/2023 CỦA HĐND TỈNH  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ KHOẢNG CÁCH VÀ ĐỊA BÀN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG  
VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)*

**A. Bãi bỏ danh sách các xã, bản tại Phụ lục I theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh**


TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Lý do bãi bỏ
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
<b>A.1. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Mường Giôn</b>	<b>I</b>			<b>THPT Quỳnh Nhai</b>	
1.1	Bản Giôn (sáp nhập bởi Bản Huổi Tèo và Bản Giôn)	Bản Huổi Tèo là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			42	Bản không còn là bản ĐBKK theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
					<b>THPT Mường Giôn</b>	
1.2	Bản Giôn (sáp nhập bởi Bản Huổi Tèo và bản Giôn)	Bản Huổi Tèo là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			10	Bản không còn là bản ĐBKK theo Quyết định 497/QĐ-UBND
<b>II. Các xã, bản huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên đến học tại huyện Quỳnh Nhai: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Quài Nua</b>	<b>III</b>			<b>THPT Quỳnh Nhai</b>	
1.1	Bản Ten				25	Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh khác

**A.2. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản:**

**I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Mường La: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản**


1	Xã Mường Chùm	I			Trường THPT Mường La	
1.1	Bản Nà Chạy (Sáp nhập bởi Bản Nong Chạy và Nà Thướn)	Bản Nong Chạy là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			34	Bản Nà Chạy không thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
					<b>Trường THPT Mường Bú</b>	
1.2	Bản Nà Chạy (Sáp nhập bởi Bản Nong Chạy và Nà Thướn)	Bản Nong Chạy là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			10	Bản Nà Chạy không thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
2	Xã Mường Bú	I			Trường THPT Mường La	
2.1	Bản Huổi Hào (Sáp nhập bởi Bản Huổi Hào và Bản Huổi Cừm)	Bản Huổi Hào là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			24,6	Bản Huổi Hào không thuộc diện đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 497/QĐ-UBND

**A.3. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản:**


1	Xã Mường Lạn	III	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lạn			
1.1	Bản Cang Cói		4,5			Dồn ghép về điểm trung tâm khoảng cách từ bản đến trường còn 3.5km, giao thông đi lại thuận lợi 


**A.3. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mộc Châu: Gồm 02 lượt xã, 05 lượt bản**

**I. Các xã, bản huyện Mộc Châu: Gồm 01 lượt xã, 03 lượt bản**


<b>1</b>	<b>Xã Quy Hướng</b>	<b>II</b>			<b>Trường THPT Thảo Nguyên</b>	
1.1	Bản Suối Giăng 1 (sáp nhập bởi Bản Suối Giăng 1 và bản Vàng Khoài)	Bản Vàng Khoài là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			40	Không còn thuộc diện bản ĐBKK theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
		<b>II</b>			<b>Trường THPT Mộc Ly</b>	
1.2	Bản Suối Giăng 1 (sáp nhập bởi Bản Suối Giăng 1 và Bản Vàng Khoài)	Bản Vàng Khoài là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			45	Không còn thuộc diện bản ĐBKK theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
		<b>II</b>			<b>Trường THPT Tân Lập</b>	
1.3	Bản Suối Giăng 1 (Sáp nhập bởi Bản Suối Giăng 1 và bản Vàng Khoài)	Bản Vàng Khoài là bản ĐBKK trước khi sáp nhập			35	Không còn thuộc diện bản ĐBKK theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
<b>II. Các xã, bản huyện Yên Châu đến học tại huyện Mộc Châu: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Lóng Phiêng</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Mộc Ly</b>	
1.1	Bản Yên Thi				55	Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
		<b>III</b>			<b>Trường THPT Thảo Nguyên</b>	
1.2	Bản Yên Thi				60	Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới 
<b>A.4. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 06 lượt xã, 12 lượt bản</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 04 lượt xã, 08 lượt bản</b>						


<b>1</b>	<b>Xã Mường Bám</b>	<b>III</b>		<b>Trường THCS Mường Bám</b>		
1.1	Bản Nà Pa			7		Trường chuyển ra địa điểm mới nên bản không đủ số khoảng cách theo quy định
					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
1.2	Nà Lang				23	Bãi bỏ do sai tên bản theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
<b>2</b>	<b>Xã Long Hẹ</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
2.2	Bản Chà Mạ				18	Bãi bỏ do sai tên bản theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
<b>3</b>	<b>Xã Ế Tông</b>				<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
3.1	Bản Thảm Ôn				24	Bãi bỏ do sai tên bản theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
<b>4</b>	<b>Xã Co Mạ</b>	<b>III</b>	<b>Trường Tiểu học Co Mạ 1</b>	<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>	<b>Trường THPT Thuận Châu</b>	
4.1	Bản Xa Nhá A		6	15	46	Bãi bỏ do sai tên bản theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La
4.2	Bản Xa Nhá B		8	17	46	
					<b>Trường THPT Co Mạ</b>	
4.3	Bản Xa Nhá A				16	Bãi bỏ do sai tên bản theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La
4.4	Bản Xa Nhá B				19	
<b>II. Các xã, bản huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đến học tại huyện Thuận Châu: Gồm 01 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Xa Dung, Điện Biên Đông</b>	<b>III</b>	<b>Trường TH-THCS Long Hẹ</b>	<b>Trường TH-THCS Long Hẹ</b>		
1.1	Bản Phà Sớ B		38	38		Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh khác

1.2	Bản Huồi Hịa		42	42		Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh khác
				<b>Trường THCS Mường Bám</b>		
1.3	Bản Chóng B			20		Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh khác
<b>III. Các xã, bản huyện Mường Toong, tỉnh Điện Biên đến học tại huyện Thuận Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Mường Toong, Mường Nhé</b>	<b>III</b>		<b>Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ</b>		
1.1	Bản Mường Toong 7			330		Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh khác
<b>A.5. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản:</b>						
<b>I. Các xã, bản trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Phiêng Cầm</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Phiêng Cầm (Điểm TH)</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Phiêng Cầm (Điểm THCS)</b>		
1.1	Bản Lọng Hồm		8	8		Do có đường bê tông nên khoảng cách chỉ còn 6,2km
<b>II. Các xã, bản huyện Mường La có học sinh học tại huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Mường Chùm</b>	<b>I</b>			<b>Trường THPT Mai Sơn</b>	
1.1	Bản Nà Chạy (sáp nhập bởi bản Nong Chạy và bản Nà Thườn)	ĐBKK			20	Không còn thuộc diện bản ĐBKK theo Quyết định số 497/QĐ-UBND
<b>A.6. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Vân Hồ: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản:</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Tô Múa</b>	<b>I</b>	<b>Trường TH&amp;THCS Tô Múa</b>			
1.1	Bản Suối Liếm	ĐBKK	4			Học sinh học tại điểm trường 

<b>A.7. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sông Mã: Gồm 02 lượt xã, 03 lượt bản</b>						
<b>I</b>	<b>Xã Mường Sai</b>	<b>III</b>			<b>Trường THPT Chiềng Khương</b>	
1	Bản Tiên Chung				10	Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
					<b>Trường THPT Sông Mã</b>	
2	Bản Tiên Chung				43	Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
<b>II</b>	<b>Xã Nà Nghịu</b>	<b>III</b>		<b>Trường PTDTBT THCS Nà Nghịu</b>		
1	Bản Phiêng Tô			8		Vì Bản Phiêng Tô đã sáp nhập vào Bản Sào Và ở phụ lục II Nghị quyết 64
<b>B. Bãi bỏ danh sách các xã, bản tại Phụ lục II theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh</b>						
TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Lý do bãi bỏ
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 01 km trở lên đến dưới 04 km)	Trường THCS (khoảng cách từ 02 km trở lên đến dưới 07 km)	Trường THPT (khoảng cách từ 05 km trở lên đến dưới 10 km)	
<b>B.1. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Cà Nàng</b>	<b>III</b>		<b>TH&amp;THCS Cà Nàng</b>		
1.1	Bản Pạ Lò			5		Giao thông đi lại thuận lợi
1.2	Bản Pháy Suông			6		Giao thông đi lại thuận lợi 
<b>B.2. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 04 lượt xã, 05 lượt bản:</b>						

1	<b>Xã Mường Lò</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Mường Lò</b>			
1.1	Bản Huổi Lán		3,5			Giao thông đi lại thuận lợi
1.2	Bản Nặm Pừn		3,5			Giao thông đi lại thuận lợi
2	<b>Xã Sam Kha</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT TH&amp;THCS Sam Kha</b>			
2.1	Bản Púng Báng		1,6			Giao thông đi lại thuận lợi
3	<b>Xã Mường Lạn</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lạn</b>			
3.1	Bán Pá Kạch		2			Giao thông đi lại thuận lợi
4	<b>Xã Dồm Cang</b>	<b>I</b>			<b>Trường THPT Sốp Cộp</b>	
4.1	Bản Lọng Phát (sáp nhập bởi bản Huổi Nó và bản Lọng Phát)	ĐBKK			5	Giao thông đi lại thuận lợi
<b>B.3. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mộc Châu: Gồm 02 lượt xã, 04 lượt bản</b>						
1	<b>Xã Lóng Sập</b>	<b>II</b>		<b>Trường PTDT Bán trú TH&amp;THCS Lóng Sập (THCS)</b>		
1.1	Bản Buốc Pát	ĐBKK		5		Giao thông đi lại thuận lợi
1.2	Bản Co Cháy	ĐBKK		5		Giao thông đi lại thuận lợi
1.3	Bản Pha Nhên	ĐBKK		5		Giao thông đi lại thuận lợi
2	<b>Xã Tân Hợp</b>	<b>III</b>	<b>Trường PTDT BT TH&amp;THCS Tân Hợp (Tiểu học)</b>			

2.1	Bản Lũng Mú (sáp nhập bởi bản Lũng Mú và bản Bó Liễu)		3			Giao thông đi lại thuận lợi
<b>B.4. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản</b>						
1	Xã Mường Bám	III		Trường THCS Mường Bám		
1.1	Bản Pá Chóng			6,8		Trường chuyển ra địa điểm mới nên bản không đủ số khoảng cách theo quy định
<b>B.5. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản:</b>						
1	Xã Phiêng Păn	III	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn (Tiểu học)			
1.1	Bản Pá Ban		3			Giao thông đi lại thuận lợi
2	Xã Phiêng Cầm	III	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cầm (tiểu học)			
2.1	Bản Nong Xà Nghè		3			Giao thông đi lại thuận lợi
<b>B.6. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản:</b>						
1	Xã Song Pe	III		Trường THCS xã Song Pe		
1.1	Bản Suối Quốc			4,5		Giao thông đi lại thuận lợi
2	Xã Chim Vàn	III		Trường THCS xã Chim Vàn		
2.1	Bản Suối Tù			6,3		Giao thông đi lại thuận lợi
<b>B.7. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Sông Mã: Gồm 04 lượt xã, 12 lượt bản</b>						
I	Xã Mường Sai	III	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Trường THPT Chiềng Khương	
1	Bản Tạo (sáp nhập bởi bản Púng Cầm và 38 hộ bản Sai)	Bản ĐBKK	2,2	2		Giao thông đi lại thuận lợi 

<b>II Xã Nà Nghịu</b>		<b>III</b>		<b>Trường PTDTBT THCS Nà Nghịu</b>		
1	Bản Nậm Ún			5,5		Do bản Nậm Ún đã có ở Phụ lục 01 của Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND
2	Bản Huổi Lìu			6		Do Bản Huổi Lìu có ở Phụ lục 01 của Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND (Học sinh ở Bản Nà Lìu cũ không được hưởng vì giao thông đi lại thuận lợi)
<b>III Xã Mường Hung</b>		<b>III</b>		<b>Trường THCS Mường Hung</b>		
1	Bản Hát 8			6		Giao thông đi lại thuận lợi
2	Bản Phiêng Pên			6		Giao thông đi lại thuận lợi
3	Bản Pho			4,5		Giao thông đi lại thuận lợi
4	Bản Lúa			4,5		Giao thông đi lại thuận lợi
5	Bản Huổi			4,5		Giao thông đi lại thuận lợi
6	Bản Nong Sây			4,1		Giao thông đi lại thuận lợi
7	Bản Phiêng Hoi			4,8		Giao thông đi lại thuận lợi
<b>IV Xã Chiềng Khoong</b>		<b>III</b>	<b>Trường Tiểu học Chiềng Khoong</b>			
1	Bản Xim Bon (sáp nhập bởi bản Bon, bản Phiêng Xim)		3			Giao thông đi lại thuận lợi (chi HS ở Bản Bon (cũ) được hưởng chế độ)
2	Bản Xim Muội (sáp nhập bởi bản Đứa Muội và bản Huổi Xim)		2,5			Giao thông đi lại thuận lợi 

<b>B.8. Tổng các xã, bản trên địa bàn huyện Yên Châu: Gồm 02 lượt xã, 11 lượt bản:</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Lóng Phiêng</b>	<b>I</b>		<b>Trường THCS Lóng Phiêng</b>		
1.1	Bản Mỏ Than			5		Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
1.2	Bản Yên Thi			5		Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
1.3	Bản Quỳnh Phiêng			5		Không còn là bản ĐBKK do xã đạt chuẩn nông thôn mới
<b>2</b>	<b>Xã Phiêng Khoài</b>	<b>III</b>	<b>Trường TH Kim Chung</b>	<b>Trường THCS Phiêng Khoài</b>		
2.1	Bản Nặm Bó		1,5			Giao thông đi lại thuận lợi
2.2	Bản Huổi Sai		2			Giao thông đi lại thuận lợi
2.3	Bản Đán Đón (Bản Đán Đón)		2			Giao thông đi lại thuận lợi
2.4	Bản Cồn Huốt II (Cồn Huốt 2)		2	6		Giao thông đi lại thuận lợi
2.5	Bản Con Khảm		2,5			Giao thông đi lại thuận lợi
			<b>Trường TH Lao Khô</b>			
2.6	Bản Keo Muông		3,5			Giao thông đi lại thuận lợi
2.7	Bản Lao Khô II (Bản Lao Khô 2)		2			Giao thông đi lại thuận lợi
2.8	Bản Hang Cẩn		2			Giao thông đi lại thuận lợi
<b>TỔNG CỘNG: 36 lượt xã, 69 lượt bản</b>						